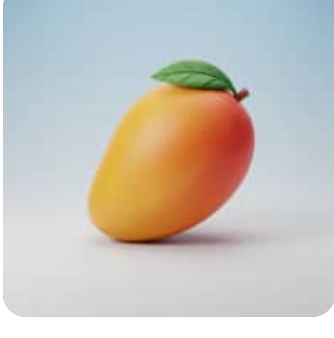


 táo	 chuối	de banaan Quả chuối đó rất chín. Die banaan is erg rijp. Les 89 · Veelvoorkomend fruit	de appel Bố tôi ăn rất nhiều táo. Mijn vader eet veel appels. Les 89 · Veelvoorkomend fruit
 cam	 chanh	de citroen Những quả chanh này rất chua. Deze citroenen zijn erg zuur. Les 89 · Veelvoorkomend fruit	de sinaasappel Làm thế nào để bóc vỏ một quả cam? Hoe pel je een sinaasappel? Les 89 · Veelvoorkomend fruit
 dâu tây	 nho	de druif Cô ấy làm rơi một quả nho xuống sàn nhà. Ze liet een druif op de grond vallen. Les 89 · Veelvoorkomend fruit	de aardbei Chúng tôi đã hái những quả dâu tây tươi. We hebben verse aardbeien geplukt. Les 89 · Veelvoorkomend fruit
 quả lê	 quả đào	de perzik Anh ấy mua một quả đào mềm ở chợ. Hij kocht een zachte perzik op de markt. Les 89 · Veelvoorkomend fruit	de peer Quả lê này đã đủ chín để ăn chưa? Is de peer rijp genoeg om te eten? Les 89 · Veelvoorkomend fruit

 dứa	 dưa hấu	de watermeloen Chúng tôi đã chia nhau một quả dưa hấu lớn trong buổi dã ngoại. We deelden een grote watermeloen tijdens de picknick. Les 89 · Veelvoorkomend fruit	de ananas Dứa có vị ngọt và hơi chua. De ananas smaakt zoet en een beetje zuur. Les 89 · Veelvoorkomend fruit
 quả anh đào	 dưa	de meloen Quả dưa này có mùi rất ngọt. Deze meloen ruikt erg zoet. Les 89 · Veelvoorkomend fruit	de kers Có bao nhiêu quả anh đào trong bát? Hoeveel kersen zitten er in de kom? Les 89 · Veelvoorkomend fruit
 kiwi	 chanh	de limoen Cô ấy cắt quả chanh xanh. Ze snijdt de groene limoen. Les 92 · Zoete snacks & tropisch fruit	de kiwi Cô ấy ăn một quả kiwi ngọt. Zij eet een zoete kiwi. Les 92 · Zoete snacks & tropisch fruit
 xoài	 dừa	de kokosnoot Tôi đã ăn quả dừa tươi. Ik heb de verse kokosnoot gegeten. Les 92 · Zoete snacks & tropisch fruit	de mango Cô ấy ăn một quả xoài ngọt. Ze eet een zoete mango. Les 92 · Zoete snacks & tropisch fruit